

Số: /KH-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2025

KẾ HOẠCH

Hành động giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Đồng Nai thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Kế hoạch hành động giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 như sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Cải thiện mức sinh, tiến tới đạt mức sinh thay thế; nâng cao sức khỏe sinh sản, duy trì cân bằng giới tính khi sinh, tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số, thực hiện phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Mục tiêu 1: Tăng mức sinh; giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng, đối tượng.

- Tăng 0,2% tỷ suất sinh thô mỗi năm, quy mô dân số đến năm 2030 đạt khoảng 4,86 triệu người.

- Giảm 50% chênh lệch mức sinh giữa nông thôn và thành thị, miền núi và đồng bằng.

- 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đều được tiếp cận thuận tiện với các biện pháp tránh thai hiện đại, phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản.

- Giảm số vị thành niên, thanh niên có thai ngoài ý muốn.

b) Mục tiêu 2: Bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc thiểu số có dưới 10 nghìn người, đặc biệt là những dân tộc thiểu số rất ít người có nguy cơ suy giảm giống nòi.

- Duy trì tỷ lệ tăng dân số của các dân tộc thiểu số dưới 10 nghìn người cao hơn mức tăng bình quân chung cả nước.

- Ngăn chặn tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số.

- Bảo đảm tốc độ tăng các chỉ tiêu phản ánh chất lượng dân số của các dân tộc thiểu số dưới 10 nghìn người cao hơn mức tăng bình quân chung cả nước.

c) Mục tiêu 3: Duy trì tỷ số giới tính khi sinh ở mức cân bằng tự nhiên, phân đầu duy trì cơ cấu tuổi ở mức hợp lý.

- Tỷ số giới tính khi sinh dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi đạt khoảng 22%; tỉ lệ người cao tuổi từ 65 tuổi trở lên đạt khoảng 11%, tỷ lệ phụ thuộc chung đạt khoảng 49%.

d) Mục tiêu 4: Nâng cao chất lượng dân số

- Tỷ lệ cặp nam nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90% vào năm 2030.

- Không để xảy ra tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống.

- 70% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất.

- 90% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh bẩm sinh phổ biến nhất.

- Tuổi thọ bình quân đạt 78 tuổi, thời gian sống khỏe mạnh là 68 năm.

- Chiều cao ở người 18 tuổi đối với nam đạt 168,5cm, nữ đạt 157,5cm.

đ) Mục tiêu 5: Thúc đẩy phân bố dân số hợp lý và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Thúc đẩy đô thị hóa, đưa tỉ lệ dân số đô thị đạt trên 45%.

- Bố trí, sắp xếp dân cư hợp lý vùng biên giới, vùng đặc biệt khó khăn.

- Bảo đảm người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

e) Mục tiêu 6: Hoàn thiện cơ sở dữ liệu về dân cư, đẩy mạnh lồng ghép các yếu tố dân số vào xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu về dân cư.

- 100% ngành, lĩnh vực của địa phương sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số vào xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội.

g) Mục tiêu 7: Phát huy tối đa lợi thế cơ cấu dân số vàng, tạo động lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Tiếp tục thực hiện tốt, hướng đến đạt mục tiêu về giáo dục, đào tạo, lao động, việc làm, xuất khẩu lao động, thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Tăng số lượng việc làm, nâng cao tỷ lệ lao động được đào tạo, cải thiện chất lượng việc làm.

- Tiếp tục thực hiện tốt các chiến lược, chương trình về chăm sóc sức khỏe sinh sản, an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm...; đảm bảo mọi người lao động đều được chăm sóc sức khỏe và có sức khỏe tốt.

h) Mục tiêu 8: Thích ứng với già hóa dân số, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

- Trên 50% xã, phường đạt tiêu chí thân thiện với người cao tuổi.

- Trên 70% người cao tuổi trực tiếp sản xuất, kinh doanh tăng thu nhập, giảm nghèo có nhu cầu hỗ trợ được hướng dẫn về sản xuất kinh doanh, hỗ trợ phương tiện sản xuất, chuyên giao công nghệ, tiêu thụ sản phẩm, vay vốn phát triển sản xuất.

- 100% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, khám, chữa bệnh, chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp

a) Tiếp tục quán triệt sâu sắc nội dung Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Đảng về công tác dân số trong tình hình mới; Nghị quyết số 137/NQ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW; Kế hoạch số 174-KH/TU ngày 10/4/2018 của Tỉnh ủy Đồng Nai về thực hiện Nghị Quyết số 21-NQ/TW; bảo đảm thống nhất nhận thức, hành động của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận và sự ủng hộ của toàn xã hội về chuyển trọng tâm chính sách dân số từ việc giảm sinh sang duy trì mức sinh thay thế, đưa tỷ số giới tính khi sinh ở mức cân bằng tự nhiên, tận dụng hiệu quả lợi thế cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số. Đưa công tác dân số thành một nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền trong tỉnh.

b) Ban hành kế hoạch, đề án nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu của Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 phù hợp với từng giai đoạn và tình hình thực tiễn của địa phương; thực hiện lồng ghép các yếu tố dân số vào quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá định kỳ hàng năm.

c) Bố trí kinh phí; kiện toàn tổ chức bộ máy, bảo đảm đội ngũ nhân sự có đủ năng lực để triển khai hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ về công tác dân số của tỉnh.

d) Thực hiện tốt công tác phối hợp liên ngành; phân công nhiệm vụ giữa các cơ quan, đoàn thể, tổ chức tham gia thực hiện công tác dân số trên địa bàn tỉnh. Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp tham gia, giám sát thực hiện công tác dân số. Đẩy mạnh phong trào thi đua thực hiện các nhiệm vụ về công tác dân số, khuyến khích mỗi cặp vợ sinh đủ hai con, không can thiệp lựa chọn giới tính khi sinh, thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng môi trường sống lành mạnh, nâng cao sức khỏe và đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân.

đ) Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, phong trào thi đua về công tác dân số của các địa phương, đơn vị. Lấy kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về dân số là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu, cấp ủy, chính quyền các cấp.

e) Đề cao tính tiên phong gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt là người đứng đầu trong việc thực hiện chính sách dân số, xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, ấm no, hạnh phúc, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

2. Đổi mới truyền thông, vận động về dân số

a) Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017, tạo sự chuyển biến căn bản về nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân về nhiệm vụ, nội dung công tác dân số trong tình hình mới.

b) Triển khai đầy đủ, toàn diện các nội dung: duy trì mức sinh thay thế, đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, tận dụng hiệu quả lợi thế cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số là yêu cầu của công tác truyền thông, vận động về dân số và phát triển trong tình hình mới.

c) Tập trung đẩy mạnh, tăng cường độ và nâng cao hiệu quả các hoạt động tuyên truyền giáo dục về dân số và phát triển. Nội dung và phương thức truyền thông, vận động phù hợp với tình hình dân số, điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh, đặc trưng văn hóa của từng đối tượng.

d) Tiếp tục thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có từ hai con trở lên, bảo đảm quyền, trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt.

đ) Nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới, đề cao giá trị của trẻ em gái, vai trò, vị thế của phụ nữ trong gia đình và xã hội. Xây dựng các chuẩn mực, giá trị xã hội phù hợp nhằm thực hiện hiệu quả bình đẳng giới.

e) Đẩy mạnh truyền thông giáo dục chuyển đổi nhận thức, tạo dư luận xã hội phê phán các hành vi lựa chọn giới tính thai nhi, nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh. Giáo dục nâng cao ý thức, nghiêm cấm lạm dụng khoa học - công nghệ để lựa chọn giới tính thai nhi.

g) Phát động phong trào mọi người dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý để nâng cao sức khỏe, tầm vóc, thể lực.

h) Vận động thanh niên thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, không tảo hôn, không kết hôn cận huyết; phụ nữ mang thai thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh; trẻ sơ sinh được thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh.

i) Đẩy mạnh truyền thông về cơ hội, thách thức và giải pháp phát huy lợi thế của thời kỳ dân số vàng, thực hiện các quy định của pháp luật về cư trú. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi người dân, gia đình và toàn xã hội trong việc phát huy vai trò, kinh nghiệm của người cao tuổi, thực hiện chăm sóc người cao tuổi, xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi, thích ứng già hóa dân số.

k) Thường xuyên cung cấp thông tin về tình hình công tác dân số cho lãnh đạo cấp ủy, chính quyền. Vận động, phát huy vai trò của các chức sắc tôn giáo,

già làng, trưởng thôn/ấp/tổ dân phố, người uy tín trong cộng đồng, người có ảnh hưởng đến công chúng tham gia tuyên truyền, giáo dục người dân thực hiện chính sách dân số.

l) Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động truyền thông trực tiếp thông qua đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của các ngành các cấp, nhất là đội ngũ công tác viên dân số ở thôn/ấp/tổ dân phố, đơn vị sản xuất. Lồng ghép nội dung dân số vào sinh hoạt cộng đồng, lễ hội văn hóa, hương ước, quy ước và thiết chế văn hóa của cộng đồng; tiêu chuẩn thôn/ấp/tổ dân phố văn hóa, gia đình văn hóa.

m) Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về dân số trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là hệ thống thông tin ở cơ sở. Tăng số tin, bài, thời lượng; đa dạng hóa các hình thức thể hiện các nội dung về công tác dân số. Chú trọng lồng ghép các thông điệp về dân số trong các tác phẩm, sản phẩm văn hóa, văn nghệ, giải trí. Tận dụng triệt để thế mạnh của công nghệ truyền thông hiện đại, internet, mạng xã hội,... trong truyền thông giáo dục về dân số. Ứng dụng công nghệ AI, nền tảng số trong truyền thông về dân số.

n) Từng bước đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường. Giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản phải phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi và bảo đảm yêu cầu hình thành kiến thức và kỹ năng về dân số, sức khỏe sinh sản đúng đắn, có hệ thống ở thế hệ trẻ.

3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số

a) Nghiên cứu, xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành các chính sách nhằm đẩy mạnh thực hiện công tác dân số trong tình hình mới.

b) Thực hiện có hiệu quả các chính sách khuyến khích, hỗ trợ phụ nữ khi sinh, đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào vùng khó khăn trong việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình.

c) Nghiêm cấm việc nghiên cứu, sản xuất, nhập khẩu, lưu hành các sản phẩm ứng dụng trong chẩn đoán, lựa chọn giới tính trước khi sinh. Xử lý hành vi lạm dụng khoa học - công nghệ trong chẩn đoán giới tính thai nhi, can thiệp lựa chọn giới tính trước khi sinh đối với cá nhân, tổ chức vi phạm.

d) Thực hiện tốt chính sách, chế độ chăm sóc người cao tuổi tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung. Khuyến khích tư nhân, doanh nghiệp đầu tư phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi.

đ) Rà soát, điều chỉnh, nâng cao chất lượng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đô thị, khu công nghiệp trên cơ sở xem xét đầy đủ xu hướng vận động của các yếu tố dân số. Đảm bảo mọi người dân được tiếp cận đầy đủ, công bằng với các dịch vụ xã hội cơ bản.

e) Hỗ trợ thỏa đáng để tạo điều kiện cho người dân sinh sống ổn định, lâu dài ở các địa phương trong tỉnh. Thực hiện có hiệu quả chính sách bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số, đặc biệt là các dân tộc thiểu số rất ít người.

g) Đưa chính sách dân số vào hương ước, quy ước của thôn/ấp/khu phố phù hợp với các quy định của pháp luật; lồng ghép với công tác gia đình, hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao, du lịch và thiết chế văn hóa cơ sở.

h) Có chính sách khuyến khích tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách dân số. Đề xuất ban hành chính sách đãi ngộ phù hợp đối với đội ngũ công tác viên dân số ở thôn/ấp/khu phố, đơn vị sản xuất. Phân bổ dự toán và vốn đầu tư phát triển của tỉnh cho công tác dân số.

4. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số

a) Cùng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình theo hướng bảo đảm các cơ sở y tế tuyến huyện cung cấp được tất cả các loại dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, các cơ sở y tế tuyến xã cung cấp các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cơ bản. Tiếp tục duy trì, nâng cao hiệu quả việc phân phối các dịch vụ tránh thai phi lâm sàng qua mạng lưới nhân viên y tế thôn bản, cộng tác viên dân số.

b) Đổi mới phương thức cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình theo hướng mở rộng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của từng nhóm đối tượng. Tiếp tục huy động các thành phần kinh tế tham gia tiếp thị xã hội, xã hội hóa cung cấp phương tiện và dịch vụ tránh thai.

c) Mở rộng khả năng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục thân thiện với thanh niên. Tăng cường quản lý nhà nước đối với việc cung cấp các dịch vụ phá thai, loại trừ phá thai không an toàn.

d) Từng bước mở rộng chương trình ngăn ngừa, sàng lọc, can thiệp, điều trị sớm các bệnh, tật là nguyên nhân dẫn đến vô sinh ở nhóm dân số trẻ. Hình thành mạng lưới sàng lọc vô sinh nhiều cấp, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ để mở rộng mạng lưới hỗ trợ sinh sản.

đ) Từng bước mở rộng và tiến tới phổ cập việc cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, bao gồm giảm táo hôn và hôn nhân cận huyết thống. Đặc biệt chú trọng triển khai cung cấp dịch vụ phát hiện sớm nguy cơ, phòng ngừa di truyền các bệnh nguy hiểm ở thai nhi và trẻ em.

e) Nhanh chóng phổ cập chương trình cung cấp dịch vụ tầm soát, chẩn đoán, can thiệp, điều trị sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh cho mọi phụ nữ mang thai và trẻ sơ sinh. Cùng cố, nâng cấp các cơ sở cung cấp dịch vụ sàng lọc hiện có, phát triển thêm các cơ sở cung cấp dịch vụ theo phân cấp kỹ thuật.

g) Thực hiện có hiệu quả các chương trình thể dục thể thao rèn luyện, nâng cao sức khỏe, các chương trình dinh dưỡng, sữa học đường nhằm nâng cao thể lực, tầm vóc người dân trong tỉnh.

h) Phát triển rộng khắp các loại hình câu lạc bộ rèn luyện sức khỏe, văn hóa, giải trí của người cao tuổi ở cộng đồng theo hướng xã hội hóa, có sự hỗ trợ, tạo điều kiện của nhà nước. Mở rộng việc cung cấp dịch vụ chăm sóc người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng thông qua mạng lưới tình nguyện viên, cộng tác viên và nhân viên chăm sóc được đào tạo. Thí điểm xây dựng, từng bước mở rộng các cơ sở chăm sóc người cao tuổi tập trung.

i) Củng cố mạng lưới chuyên ngành lão khoa theo nguyên tắc gắn kết dự phòng, nâng cao sức khỏe, điều trị, phục hồi chức năng và chăm sóc giảm nhẹ. Giám sát đánh giá kết quả các hoạt động chăm sóc người cao tuổi ở cấp cơ sở.

k) Sắp xếp hệ thống các cơ sở bảo trợ xã hội công lập theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa, tạo lập môi trường thân thiện cho người cao tuổi.

5. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, hoàn thiện hệ thống thông tin, số liệu dân số

a) Thực hiện nghiên cứu về dân số và phát triển: Chú trọng nghiên cứu cung cấp bằng chứng phục vụ hoạch định chính sách, biện pháp thực hiện các mục tiêu duy trì mức sinh thay thế, đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, tận dụng hiệu quả lợi thế cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số.

b) Hoàn thiện hệ thống thông tin, số liệu dân số đáp ứng yêu cầu cung cấp đầy đủ, kịp thời tình hình và dự báo dân số phục vụ hoạch định chính sách, xây dựng, thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

6. Bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số

a) Bảo đảm đủ nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số, tập trung vào việc thực hiện các mục tiêu: cải thiện mức sinh, đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, tận dụng hiệu quả lợi thế cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số, phân bố dân số hợp lý và nâng cao chất lượng dân số.

Nguồn lực thực hiện kế hoạch này do ngân sách Nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện kế hoạch theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và văn bản hướng dẫn liên quan. Bảo đảm đáp ứng nhu cầu thiết yếu cho triển khai toàn diện công tác dân số và thực hiện chính sách đối với các đối tượng được nhà nước chi trả. Quản lý chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước đầu tư cho công tác dân số.

b) Huy động các nguồn đầu tư từ cộng đồng, doanh nghiệp, tư nhân cho công tác dân số. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân phân phối, cung cấp các phương tiện, dịch vụ trong lĩnh vực dân số.

7. Kiện toàn tổ chức bộ máy và đào tạo

a) Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, thực hiện quản lý chuyên môn thống nhất từ tỉnh đến địa phương, đáp ứng yêu cầu công tác dân số trong tình hình mới.

b) Thành lập Ban Chỉ đạo công tác Dân số và Phát triển các cấp nhằm chỉ đạo, điều phối các hoạt động của các ngành, cơ quan có chức năng quản lý các lĩnh vực liên quan tới dân số và phát triển. Xây dựng quy định cụ thể về quy chế, kế hoạch hoạt động, phân công trách nhiệm bảo đảm tăng cường vai trò, trách

nhệm và hiệu quả hoạt động của các thành viên của tổ chức phối hợp liên ngành các cấp.

c) Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác dân số các cấp, các ngành. Đưa nội dung dân số và phát triển vào chương trình đào tạo, tập huấn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

8. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế

Tăng cường hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế nâng cao chất lượng dân số, thích ứng với già hóa dân số; chăm sóc sức khỏe nhân dân, an sinh xã hội, lao động việc làm và ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý dân số.

IV. KINH PHÍ

Bố trí kinh phí từ dự toán chi thường xuyên của các ngành, địa phương; kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản hàng năm của tỉnh; ngân sách từ Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số; các chương trình, đề án liên quan khác theo phân cấp của pháp luật về ngân sách nhà nước; quỹ phát triển sự nghiệp của các đơn vị; nguồn xã hội hóa, đóng góp của các tổ chức, cá nhân và nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Y tế

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hành động này trên phạm vi toàn tỉnh, bảo đảm gắn kết chặt chẽ với các kế hoạch, chương trình, đề án có liên quan do các sở, ngành, đơn vị chủ trì thực hiện; đẩy mạnh công tác truyền thông, vận động về dân số trên địa bàn tỉnh.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, ban hành các chính sách về công tác dân số, trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

c) Hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch hành động này; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện.

2. Giao Sở Tư pháp

Phối hợp Sở Y tế, các sở, ngành liên quan tham mưu, xây dựng và thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác dân số và phát triển trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành. Phối hợp quán triệt, phổ biến và tuyên truyền thực hiện các văn bản pháp luật của nhà nước liên quan đến công tác dân số và phát triển.

3. Giao Sở Nội vụ

Phối hợp Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các xã, phường trong công tác tổ chức bộ máy, biên chế theo quy định để nâng cao hiệu quả công tác dân số và phát triển trên địa bàn tỉnh; tham mưu, đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách dân số và phát triển đảm bảo theo quy định hiện hành về công tác thi đua, khen thưởng.

4. Giao Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan lồng ghép các yếu tố dân số (quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng) vào chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Trên cơ sở tổng hợp, đề xuất của Sở Y tế về dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch, tùy theo khả năng cân đối ngân sách hàng năm, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí kinh phí cho các cơ quan, đơn vị theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành và các quy định pháp luật có liên quan.

5. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp Sở Y tế và các sở, ngành liên quan triển khai các chương trình, đề án, dự án về công tác gia đình, văn hóa, thể dục, thể thao góp phần thực hiện tốt công tác dân số và nâng cao sức khỏe nhân dân.

b) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh sách, báo, văn hóa phẩm vi phạm quy định pháp luật về dân số.

6. Giao Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp Sở Y tế và các sở, ngành liên quan triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ nghiên cứu về công tác dân số trong tình hình mới, trên cơ sở đề xuất của Sở Y tế để có các giải pháp đồng bộ trong công tác dân số, phát triển trên địa bàn tỉnh.

7. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Phối hợp Sở Y tế và các sở, ngành liên quan tăng cường giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, bình đẳng giới, kiểm soát mật cân bằng giới tính khi sinh và phòng chống tảo hôn trong nhà trường.

b) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục đưa nội dung dân số và phát triển vào hoạt động tại đơn vị góp phần nâng cao nhận thức cho học sinh, sinh viên.

c) Triển khai các chương trình, dự án trong trường học nhằm góp phần nâng cao chất lượng dân số, tầm vóc thể lực người Việt Nam.

8. Giao Sở Dân tộc và Tôn giáo

Chủ trì, phối hợp Sở Y tế và Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức tuyên truyền, phổ biến về lĩnh vực dân số và phát triển cho đồng bào dân tộc thiểu số; các chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tín đồ các tôn giáo; phổ biến chính sách hỗ trợ cho người dân tộc thiểu số.

9. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường

Chủ trì, phối hợp Sở Y tế và các sở, ngành liên quan tổ chức triển khai lồng ghép các yếu tố về dân số gắn với phát triển kinh tế - xã hội, ứng phó biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, phòng chống thiên tai; triển khai các Chương trình mục tiêu quốc gia (xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững).

10. Công an tỉnh

a) Công an tỉnh chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan triển khai Dự án Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, theo dõi, quản lý dân số trong hệ thống cơ sở dữ liệu.

b) Chủ trì, phối hợp Sở Y tế đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền về lĩnh vực dân số và phát triển cho cán bộ, chiến sĩ trong ngành.

11. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

a) Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh chủ trì, phối hợp rà soát, bổ sung các chương trình, chính sách bố trí dân cư, tạo điều kiện cho người dân ổn định đời sống tại vùng đặc biệt khó khăn, khu vực trọng yếu về an ninh - quốc phòng.

b) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, các đơn vị hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện chính sách dân số đối với lực lượng vũ trang; đồng thời tham gia hoạt động dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản gắn với nhiệm vụ bảo vệ an ninh, quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị - xã hội

a) Chỉ đạo, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt chính sách dân số trong tình hình mới. Thực hiện triển khai Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn với nội dung về công tác dân số. Giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác dân số trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cụ thể hóa các tiêu chí dân số trong phong trào “Gia đình văn hóa”, “Khu dân cư văn hóa”, “Khu nhà trọ văn hóa”; thực hiện giám sát việc thực hiện chính sách dân số trên địa bàn tỉnh.

13. Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai

a) Đẩy mạnh công tác tổ chức tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, các nội dung liên quan về công tác dân số và phát triển trên các phương tiện thông tin đại chúng, xem đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng.

b) Phối hợp Sở Y tế đưa tin, bài; thực hiện các chuyên trang, chuyên mục, chương trình, phóng sự về dân số và phát triển theo định kỳ. Kịp thời tuyên truyền các gương điển hình, gương “Người tốt, việc tốt” và người có thành tích tốt trong công tác dân số và phát triển.

14. Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch; chỉ đạo phối hợp liên ngành, lồng ghép yếu tố dân số trong các chương trình, dự án, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Tăng cường tuyên truyền, thực hiện hiệu quả chính sách, pháp luật về dân số cho người dân trên địa bàn.

c) Bảo đảm nguồn lực, kiện toàn bộ máy, nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác dân số.

Trên đây là Kế hoạch hành động giai đoạn 2026-2030 của tỉnh Đồng Nai thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030; đề nghị các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng kế hoạch tổ chức, triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Y tế;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai;
- UBND các xã, phường;
- Chánh VP, các P. CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX (Tài).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trường Sơn